

KINH NGHIỆM CỦA NHẬT BẢN TRONG BẢO HỘ TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ VÀ HÀM Ý KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Nam

Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, Đại học Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)

Email: nguyenhoangnam2506@gmail.com



▶ NGUYỄN HOÀNG NAM

Nguyễn Hoàng Nam năm nay 28 tuổi, đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh theo học chuyên ngành Tài chính - Kế toán ở bậc Đại học. Sau khi tốt nghiệp, anh tiếp tục chương trình học MBA. Năm 2022, anh lấy bằng cử nhân Luật, chuyên ngành Luật Kinh doanh tại Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH).

Là một trong những học giả trẻ tuổi, nhưng tác giả đã có nhiều bài nghiên cứu khoa học được đăng tải trên các Tạp chí, Hội nghị, Hội thảo và diễn đàn trong và ngoài nước.

Thời gian tới, tác giả mong muốn sẽ tiếp tục nâng cao hiểu biết trên hành trình nghiên cứu, đóng góp tích cực trong giới khoa học nói chung và góp phần lan tỏa tri thức đến với cộng đồng ở hai lĩnh vực kinh tế và pháp luật nói riêng.

Google scholar: <https://scholar.google.com/citations?user=ziI9lw4AAAAJ&hl=en>

Research gate: <https://www.researchgate.net/profile/Nguyen-Hoang-Nam-3>

ORCID: <https://orcid.org/my-orcid?orcid=0009-0006-7399-1353>

TÓM TẮT:

Dần thay thế phương thức giao dịch truyền thống, nền kinh tế số đang phát triển mạnh mẽ tại hầu khắp các quốc gia, trong đó có Nhật Bản và Việt Nam. Tại Nhật Bản, bảo hộ tài sản trí tuệ trên môi trường số rất được chính quyền quan tâm. Những quy định liên quan đến bảo hộ tài sản trí tuệ được ban hành và sửa đổi, bổ sung dưới các Đạo luật nhằm nỗ lực trong việc phòng chống hành vi xâm hại các tài sản trí tuệ, minh bạch trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại, góp phần hoàn thiện pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ trên không gian số. Trong phạm vi bài viết này sẽ phân tích những quy định của Nhật Bản về chính sách bảo hộ tài sản trí tuệ trên môi trường số thông qua khía cạnh pháp luật và những kinh nghiệm phát sinh trong thực tế. Qua đó, đưa ra một số kiến nghị cho Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo hộ tài sản trí tuệ trên môi trường số.

Từ khóa: kinh tế số, không gian số, môi trường số, quy định pháp luật, quyền sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển tài nguyên số được xem là mục tiêu dài hạn của nhiều quốc gia. Nhật Bản là một trong những quốc gia dẫn đầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật số trên thế giới và có sự phổ biến mạnh mẽ các công nghệ tiên tiến (Aujirapongpan và cộng sự, 2020). Thông qua việc ủng hộ các vấn đề kỹ thuật số tại G20 và G7, Chính phủ Nhật Bản thể hiện cam kết trong việc khai thác dữ liệu cho Xã hội 5.0 (Carolina và cộng sự, 2021).

Chuyển đổi kỹ thuật số mang đến cho các quốc gia nhiều cơ hội để phát triển tài sản trí tuệ (TSTT). Theo báo cáo tóm tắt chính sách Nhật Bản của OECD vào tháng 04/2019, Nhật Bản chỉ đứng sau Hàn Quốc về mật độ robot trong sản xuất. Số lượng doanh nghiệp sử dụng điện toán đám mây vào khoảng 47%. Trong suốt nhiều năm qua, Chính phủ Nhật Bản đầu tư ngân sách hơn 6% GDP vào thiết bị công nghệ số, phần mềm máy tính, xây dựng cơ sở dữ liệu, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), trong đó có phát triển các TSTT trong nhu cầu thúc đẩy và thích ứng với quá trình chuyển đổi kỹ thuật số. Nhật Bản cũng đã bắt đầu thực hiện các bước để khuyến khích đổi mới kỹ thuật số, bao gồm cung cấp và mở rộng hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) muốn đầu tư vào công nghệ mới (Hiroki và cộng sự, 2020). Cho đến nay, tỷ lệ chi tiêu cho R&D trên %GDP ở Nhật Bản được báo cáo là khoảng 3,26% vào năm 2020.

Một số các nghiên cứu liên quan đã được thực hiện trước đây. Nghiên cứu của Kohei Suzuki (2021) phân tích góc độ minh bạch trong quy định về nền tảng kỹ thuật số được xem xét thông qua việc so sánh pháp luật giữa EU và Nhật Bản. Về giao dịch xuyên biên giới, Patvakan Giulazian (2021) cho rằng hầu hết các nền kinh tế đều cho rằng thương mại TSTT trên môi trường số nên áp dụng nguyên tắc lãnh thổ. Tuy nhiên, môi trường mạng lại là mảnh đất màu mỡ cho các hoạt động vi phạm TSTT. Theo Toshiya và Yuji (2017), việc sử dụng dữ liệu hiệu quả giữa các bên liên quan là chìa khóa thành công, tuy nhiên cũng phát sinh nhiều thách thức khi áp dụng chuyển đổi kỹ thuật số đối với khai thác dữ liệu. Bổ sung cho ý kiến trên, Tsukasa Aso và Christoph Rademacher (2022) quan điểm nền tảng kỹ thuật số tồn tại nhiều rủi ro, là một trong những nguyên nhân dẫn đến độc quyền do sự thiếu minh bạch và công bằng của các giao dịch, công khai nội dung vi phạm, xử lý sai dữ liệu và thông tin cá nhân.

Ngày nay, với nhu cầu ngày càng gia tăng của bảo hộ TSTT trên các kênh truyền thông đa phương tiện, các loại TSTT đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản (Futoshi, 2007). Có thể kể đến nhiều nền tảng công nghệ số thông dụng như: AI (trí tuệ nhân tạo); Cloud (điện toán đám mây); Blockchain (công nghệ chuỗi khối); Big data (dữ liệu lớn); IoT (vạn vật kết nối). Trong quá trình duy trì ổn định trật tự kinh tế - xã hội, Nhật Bản đã xây dựng các chính sách quản lý và thực thi dựa trên việc đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi của tác giả/chủ sở hữu TSTT và lợi ích chung của xã hội theo 3 cơ sở: (1) tăng cường năng lực cạnh tranh công nghiệp; (2) cân bằng giữa bảo vệ và sử dụng; (3) quan điểm toàn cầu. Theo đó, các kế hoạch hành động được liệt kê trong chương trình hàng năm của Nhật Bản được phân thành 5 yếu tố, bao gồm: (1) sáng tạo; (2) bảo vệ; (3) khai thác; (4) lãnh mạnh nội dung truyền thông và (5) duy trì và nâng cao nguồn nhân lực (Futoshi, 2009).

Là một trong những quốc gia đang phát triển của khu vực châu Á, Việt Nam ngày càng tiếp cận nhiều hơn với môi trường số trong các hoạt động sinh hoạt và công việc. Tại Việt Nam, những chính sách liên quan đến bảo hộ TSTT đã được triển khai trong suốt những năm qua. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều lỗ hổng cần khắc phục để duy trì ổn định nền kinh tế công nghiệp nước nhà, hướng đến phát triển vững bền. Với phương thức chuyển giao công nghệ như hiện nay vẫn còn tồn tại các bất cập trong chính sách quản lý. Tiêu biểu như trong nội dung Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước được ngân sách hỗ trợ trên 30% thuộc quyền sở hữu của Nhà nước và người chủ trì thực hiện không được tự phép chuyển giao cho doanh nghiệp. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc chuyển giao công nghệ. Đồng thời, việc định giá TSTT cũng được xem là hoạt động phức tạp. Thông qua việc tìm hiểu các

quy định pháp luật của Nhật Bản về bảo hộ TSTT trên môi trường số kết hợp với phân tích những quy định tiền bộ, sáng tạo và đổi mới của Nhật Bản đã đạt được, bài viết sẽ đưa ra những kiến nghị chính sách đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam. Qua đó, góp phần lan tỏa giá trị của bảo hộ TSTT trên môi trường số đến với cộng đồng người Việt trong và ngoài nước.

2. PHÁP LUẬT CỦA NHẬT BẢN VỀ BẢO HỘ TSTT TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

Nhìn chung, hệ thống quyền sở hữu trí tuệ Nhật Bản hiện tại phân làm 3 nhóm là: (1) bản quyền; (2) quyền sở hữu công nghiệp và (3) các hệ thống khác như giống cây trồng. Trong đó, các loại quyền TSTT chính, phổ biến bao gồm: bản quyền; bằng sáng chế; nhãn hiệu; quyền cơ sở dữ liệu; quyền của người biểu diễn; quyền thiết kế.

2.1. Bảo hộ bản quyền trên nền tảng số

Trong bối cảnh các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học ngày càng bị xâm phạm một cách phổ biến trong môi trường số, Nhật Bản cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc phòng chống hành vi xâm hại bản quyền bằng việc sửa đổi Đạo Luật bản quyền. Trong đó, hành vi sao chép và phát hành tác phẩm trên nền tảng số được quy định là trái luật; dù cho hành vi thực hiện là mục đích công việc hay cá nhân, quy định tại Điều 3 khoản 1 Điều 39 Đạo luật bản quyền Nhật Bản.

Về các biện pháp bảo vệ bằng công nghệ, được quy định tại mục 20, khoản 1 Điều 2 Đạo luật bản quyền 2018. Đây là các biện pháp sử dụng phương tiện điện tử, phương tiện từ tính hoặc các phương tiện khác mà giác quan con người không thể cảm nhận được nhằm ngăn chặn hoặc ngăn cản một người tham gia vào một hành động cấu thành hành vi xâm phạm quyền nhân thân của tác giả hoặc quyền tác giả được đề cập tại khoản 1 Điều 17 như: quyền công khai tác phẩm, quyền ghi công, quyền bảo vệ sự toàn vẹn, quyền sao chép, quyền nhân thân của người biểu diễn và các quyền lân cận tại Điều 89.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Đạo luật bản quyền thì một bản ghi điện tử hoặc từ tính (có nghĩa là một bản ghi sử dụng trong quá trình xử lý dữ liệu máy tính được tạo ở định dạng điện tử, định dạng từ tính hoặc định dạng khác mà không thể cảm nhận được bằng giác quan của con người) được tạo ra tại Thư viện Quốc hội, để cung cấp đến công chúng sử dụng thay cho bản gốc thì một người được phép ghi lại một tác phẩm nằm trong số các tài liệu của Thư viện Quốc hội vào một phương tiện ghi âm, trong phạm vi được coi là cần thiết.

Về quyền ghi công trong Luật bản quyền của Nhật Bản, ghi công ở đây được hiểu là việc chỉ tên tác giả trên tác phẩm gốc và các tác phẩm liên quan đến tác phẩm gốc. Việc ghi công có thể thực hiện trên tài liệu giấy, tài liệu điện tử hoặc các tài liệu khác (âm thanh, hình ảnh). Theo khoản 1 Điều 19 Đạo luật bản quyền, vào thời điểm

tác phẩm được cung cấp hoặc trình bày cho công chúng, tác giả của tác phẩm có quyền quyết định việc sử dụng hay không sử dụng tên thật hoặc bút danh của tác giả để ghi công tác giả trên tác phẩm gốc hoặc liên quan đến tác phẩm gốc. Đối với những tác phẩm bắt nguồn từ tác phẩm gốc (tác phẩm phái sinh), việc ghi công cũng phải thông qua quyết định của tác giả. Trong quá trình cung cấp hoặc trình bày tác phẩm ra công chúng, không ít lần những tác phẩm khuyết danh xuất hiện trên môi trường số, vì vậy, theo khoản 3 Điều 19 Đạo luật bản quyền thì tên tác giả có thể được bỏ qua, nếu thấy rằng làm như vậy không có khả năng gây tổn hại đến lợi ích của tác giả trong yêu cầu quyền tác giả, xét về mục đích của tác phẩm và hoàn cảnh khai thác tác phẩm, đánh giá dựa trên điều kiện về sự thiếu sót là tương thích với thực tiễn công bằng.

Tuy nhiên, một ngoại lệ khác đến từ tác phẩm được cung cấp hoặc giới thiệu tới công chúng bởi người đứng đầu cơ quan hành chính hoặc cơ quan hành chính hợp nhất, cơ quan chính quyền địa phương hoặc cơ quan hành chính hợp nhất địa phương, ghi lại trong tài liệu hành chính liên quan đến yêu cầu tiết lộ thông tin không có khả năng gây thiệt hại cho quyền và lợi ích của một cá nhân, quy định tại Sắc lệnh tiết lộ thông tin thì được quyền sử dụng mà không cần nêu tên tác giả theo khoản 2 Điều 6 Đạo luật về Tiếp cận thông tin của các cơ quan hành chính.

2.2. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trên nền tảng số

Về đăng ký bảo hộ sáng chế, quy định tại khoản 5 Điều 43 Đạo luật bằng sáng chế 2019 Nhật Bản thì các tài liệu, giấy tờ trong đơn đăng ký yêu cầu ưu tiên có thể được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử, phương tiện từ tính và các phương tiện khác mà tri giác con người không thể nhận biết được tại các quốc gia là thành viên của Công ước Paris. Nhật Bản áp dụng hệ thống cấp bằng sáng chế theo cơ chế “first-to-file”, nghĩa là bằng sáng chế sẽ được cấp cho người đầu tiên nộp đơn xin bảo hộ bằng sáng chế. Văn phòng Sở hữu trí tuệ (JPO) là cơ quan Chính phủ Nhật Bản duy nhất chịu trách nhiệm cấp nhãn hiệu, bằng sáng chế, mô hình tiện ích/giải pháp hữu ích và kiểu dáng thiết kế.

Bên cạnh đó, Nhật Bản còn ban hành Luật về giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người cung cấp dịch vụ thông tin điện tử đặc định và sự công khai thông tin của người truyền tin. Trường hợp dùng sáng chế cho hoạt động thí nghiệm nghiên cứu, sáng chế trong phương tiện giao thông đi qua lãnh thổ Nhật Bản, hay người có quyền sử dụng trước sáng chế (Điều 79 Luật Sáng chế) thì không bị coi là vi phạm quyền của chủ sở hữu sáng chế, dù bằng phương thức trực tiếp hay trực tuyến trên không gian số. Thời hạn bảo hộ bằng sáng chế tại Nhật Bản là 20 năm, kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế (khoản 1 Điều 67 Luật Sáng chế). Riêng đối với các sáng chế về dược phẩm hoặc nông dược thì có thể xin kéo dài

thời hạn bảo hộ thêm tối đa 5 năm (khoản 4 Điều 67 Luật Sáng chế).

Đối với nhãn hiệu, quy định tại điểm (vii), (viii) khoản 3 Điều 2 Đạo luật nhãn hiệu 2019 Nhật Bản, hành vi sử dụng nhãn hiệu liên quan đến nền tảng kỹ thuật số bao gồm: (1) Trong quá trình cung cấp dịch vụ thông qua việc sử dụng màn hình, bằng phương tiện điện tử hoặc từ tính hoặc phương tiện khác không thể nhận biết chỉ bằng các giác quan của con người để cung cấp các dịch vụ đó bằng cách hiển thị một nhãn hiệu trên trình duyệt ảnh; (2) hiển thị hoặc phân phối tài liệu quảng cáo, bảng giá và tài liệu giao dịch liên quan đến hàng hóa hay dịch vụ được gắn nhãn hiệu, hoặc cung cấp thông tin về nội dung này mà nhãn hiệu được gắn bằng phương tiện điện tử hoặc từ tính.

Đối với bí mật thương mại, việc bảo vệ bí mật thương mại có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp và thị trường chung trên không gian số. Nhật Bản sửa đổi Đạo luật ngăn ngừa cạnh tranh không lành mạnh (UCPA) năm 2016 để phòng chống hành vi vi phạm bí mật thương mại. Đối với pháp luật quốc tế, theo quy định tại Điều 10bis của Công ước Paris 1883 và Hiệp định TRIPS 1995 thì việc bảo vệ bí mật thương mại không đòi hỏi phải bảo vệ dưới hình thức quyền, như bằng sáng chế và bản quyền, mà là bảo vệ chống lại các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, bao gồm các hành vi cụ thể như mua lại và sử dụng trái phép. Trong thời đại kỹ thuật số, bí mật thương mại đang trở thành hình thức chính của 2 đối tượng (1) bảo vệ dữ liệu và (2) trí tuệ nhân tạo. Hội đồng cạnh tranh thị trường kỹ thuật số được Chính phủ Nhật Bản thành lập vào năm 2019 để giải quyết các vấn đề mâu thuẫn trên thị trường.

Các đạo luật khác của quyền sở hữu công nghiệp quy định về bảo hộ TSTT trên nền tảng môi trường số tương tự như sáng chế, nhãn hiệu và bí mật thương mại, có thể kể đến như Đạo luật mô hình tiện ích 2019, Đạo luật thiết kế 2019, Đạo luật hạt giống và bảo hộ giống cây trồng 2021.

2.3. Bảo hộ TSTT trong giao dịch điện tử

Nhật bản chưa có đạo luật cụ thể trong việc áp dụng thương mại điện tử B2B. Tuy nhiên, pháp luật Nhật Bản ghi nhận các quy định liên quan đến thương mại điện tử thông qua Bộ luật dân sự (nội dung điều chỉnh về hợp đồng tiêu dùng thương mại điện tử), Đạo luật về giao dịch thương mại (ASCT), Đạo luật truyền thư điện tử được chỉ định (ARTSEM), Đạo luật bảo vệ thông tin cá nhân (APPI), Đạo luật cơ bản về an ninh mạng 2014.

Các quy định về dữ liệu TSTT trên môi trường số trong pháp luật của Nhật Bản nhằm 2 mục tiêu: (1) thúc đẩy sử dụng dữ liệu và (2) nâng cao sáng tạo về trí tuệ nhân tạo. Các loại TSTT có liên quan đến dữ liệu lớn, tiêu biểu như: bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu, quyền cơ sở dữ liệu, quyền của người biểu diễn, quyền thiết kế (Rafik và Hilmil, 2022).

Bảng 1: Tổng hợp các chương trình phát triển TSTT tại Nhật Bản

Thời gian	Nội dung chương trình
Năm 2016	Chương trình chiến lược sở hữu trí tuệ của Nhật Bản đánh giá về sự cần thiết của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thiết lập quy định sở hữu trí tuệ đối với các tài sản mới liên quan đến cơ sở dữ liệu như dữ liệu do AI tạo ra, dữ liệu in 3D.
Năm 2017	Phân tích tổng quan hệ thống sở hữu trí tuệ Nhật Bản đối với tài sản dữ liệu, bao gồm: dữ liệu tạo bởi AI và dữ liệu đào tạo được trình bày trong báo cáo Đánh giá quyền sở hữu trí tuệ về tài sản liên quan đến dữ liệu mới.
Năm 2018	Hướng dẫn hợp đồng sử dụng AI và dữ liệu, giải thích thách thức về những vấn đề chưa được giải quyết, điều khoản hợp đồng mẫu và các điểm chính khác trong hợp đồng sử dụng dữ liệu; hợp đồng phát triển và sử dụng phần mềm gắn với công nghệ AI.
	Ban hành (1) Luật Bản quyền; (2) Luật Chống cạnh tranh không lành mạnh; (3) Đạo luật cơ bản về chính sách người tiêu dùng; (4) Đạo luật về quyền riêng tư của người tiêu dùng.
Năm 2020	Thông qua Đạo luật số 57 năm 2003 được sửa đổi vào năm 2020 về bảo vệ thông tin cá nhân (APPI).
Năm 2021	Chương trình chiến lược sở hữu trí tuệ 2021, chỉ ra (1) hiện trạng, (2) các vấn đề và (3) định hướng chính sách liên quan đến việc cải thiện môi trường nhằm thúc đẩy việc sử dụng dữ liệu, xác định dữ liệu là cơ sở sở hữu trí tuệ quan trọng nhất trong thế kỷ 21.
	Chiến lược dữ liệu quốc gia 2021 bao gồm các mục tiêu, nguyên tắc hành động của bộ và vai trò của Chính phủ trong việc tập trung, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, rõ ràng để thực hiện.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp thông tin)

Pháp luật của Nhật Bản quy định về dữ liệu khá chặt chẽ, bao gồm các vấn đề liên quan đến nền tảng công nghệ kỹ thuật số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu in 3D,... Tổ chức quản lý các nền tảng kỹ thuật số, với tư cách là trung gian trực tuyến, chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng liên quan đến quá trình xử lý các dữ liệu, thông tin. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2021, Nhật Bản đã ban hành nhiều quy định và triển khai các chương trình, dự án để thiết lập quy trình, hướng dẫn và giám sát “câu chuyện dữ liệu” về TSTT.

2.4 Các quy định khác về bảo hộ TSTT trên môi trường số

Đạo luật Cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số 2020 Nhật Bản (TFDPA) quy định dựa trên quyền tự chủ của mỗi nhà khai thác. Điều này có thể hiểu là Chính phủ Nhật Bản chỉ đưa ra một khuôn khổ pháp lý còn quá trình thực thi pháp luật sẽ phụ thuộc nhiều vào những nỗ lực tự nguyện của mỗi nhà điều hành ở một mức độ nhất định. Các thiết lập dựa trên sự thống nhất nghiêm ngặt nhưng không hạn chế cản trở sự đổi mới tự thân của thị trường kỹ thuật số. Quy định của TFDPA xem xét các doanh nghiệp được chỉ định là “Nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số được chỉ định” với ba loại nghĩa vụ: (1) thực hiện thông báo trước về các thay đổi cho nhà cung cấp; (2) thiết lập quy trình để đảm bảo sự công bằng, chẳng hạn như phương thức vận chuyển, chính sách hàng nhập khẩu, chính sách bảo mật, chính sách đổi trả, xử lý khiếu nại, quy trình thanh

toán; và (3) báo cáo hàng năm cho Chính phủ Nhật Bản. Đạo luật TFDPA với mục đích cải thiện tính minh bạch và công bằng của các giao dịch được xử lý trên nền tảng kỹ thuật số, trong đó có các hoạt động thương mại liên quan đến việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Nhật Bản (Takamitsu và cộng sự, 2022).

Các quy định về Nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số được chỉ định trong TFDPA phân thành 2 nhóm tiêu chí đi kèm: (1) Nhà điều hành trung tâm mua sắm trực tuyến có doanh thu nội địa trong một năm tài chính từ 300 tỷ JPY (khoảng 3 tỷ USD) trở lên; (2) Nhà điều hành cửa hàng ứng dụng có doanh thu bán hàng trong nước trong một năm tài chính từ 200 tỷ JPY (khoảng 2 tỷ USD) trở lên. Trên thực tế, 6 doanh nghiệp có danh tiếng về thương mại kỹ thuật số được chỉ định là Nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số được chỉ định, bao gồm: Nhà điều hành trung tâm mua sắm trực tuyến: Amazon Japan GK, Rakuten Group, Inc. và Yahoo Japan Corporation; Nhà điều hành cửa hàng ứng dụng: Apple Inc., iTunes KK và Google LLC.

Tại Nhật Bản, Đạo luật Cạnh tranh 1947 đặt ra sự tương tác giữa luật chống độc quyền và luật sở hữu trí tuệ¹. Tại Điều 21 quy định không áp dụng nội dung trong Đạo luật chống độc quyền cho các hành vi đã được công nhận tại các quyền theo Đạo luật bản quyền, Đạo luật bằng sáng chế, Đạo luật mô hình tiện ích, Đạo luật thiết kế và Đạo luật nhãn hiệu. Vì vậy, về cơ bản các Đạo luật

¹ Hay còn được gọi là Đạo luật Chống độc quyền của Nhật bản. Đạo luật Đạo luật cấm độc quyền tư nhân và duy trì thương mại công bằng số 54, ban hành ngày 14/04/1947.



Bảng 2: Mô tả các quy trình kinh doanh điện tử

Kinh doanh điện tử	Mô tả
Thu hút và giữ chân khách hàng	Quản lý quan hệ khách hàng (CRM); quản lý, lập kế hoạch và thực hiện chiến dịch tiếp thị; tiếp thị cơ sở dữ liệu, tiếp thị trực tiếp và tiếp thị qua điện thoại; danh mục điện tử; phân tích hoạt động web và quảng cáo web; phân tích dữ liệu lớn khác; các trung tâm cuộc gọi; sắp xếp sửa chữa và bảo trì; xử lý khiếu nại của khách hàng.
Thương mại điện tử	Bán hoặc mua/thu mua hàng hóa hoặc dịch vụ (bao gồm ước tính, đàm phán, đặt hàng, sắp xếp hợp đồng); trao đổi dữ liệu điện tử (EDI); thương mại di động; tích hợp hệ thống đặt hàng với hệ thống của khách hàng/nhà cung cấp; tích hợp hóa đơn và thanh toán của khách hàng; tích hợp đầy đủ với các hệ thống back-end; sử dụng extranet; giao dịch an toàn; thanh toán tự động của nhà cung cấp.
Thực hiện đơn hàng và theo dõi đơn hàng	Kiểm soát đơn hàng, kiểm soát sản phẩm, theo dõi đơn hàng; xử lý dữ liệu liên quan đến thực hiện hoặc theo dõi đơn hàng; tự động hóa lực lượng bán hàng.
Hậu cần (trong và ngoài nước) và kiểm soát hàng tồn kho	Quản lý chuỗi cung ứng (SCM); kiểm soát sản xuất và hàng tồn kho (bao gồm nguyên vật liệu, bộ phận, thành phẩm), kiểm soát phân phối, quản lý hàng tồn kho, quản lý hàng tồn kho của khách hàng, vận chuyển và giao hàng, kho hàng tự động; sắp xếp và quản lý vận tải, gửi hàng hóa, theo dõi, cung cấp dịch vụ.
Quản lý tài chính, ngân sách và tài khoản	Lập kế hoạch nguồn lực doanh nghiệp (ERP); quản lý, lập kế hoạch và đánh giá tài chính; hệ thống hóa đơn và thanh toán; các hệ thống phần mềm.
Quản trị nhân sự	Tuyển dụng nội bộ và bên ngoài, ứng tuyển việc làm trực tuyến; tự động hóa các nhiệm vụ hành chính như báo cáo thời gian, thanh toán tiền lương và chế độ hưu trí, hoàn trả chi phí đi lại, theo dõi giờ làm việc và thời gian sản xuất; đào tạo; làm việc từ xa.
Sản xuất sản phẩm	Sử dụng robot, in 3D, giao tiếp giữa máy với máy.
Dịch vụ và hỗ trợ sản phẩm	Hỗ trợ trang web, câu hỏi thường gặp (FAQ), có thể tải xuống sách hướng dẫn; truy vấn trực tuyến; hỗ trợ sau bán hàng.
Nghiên cứu và phát triển, đổi mới	Nghiên cứu, phát triển và thiết kế sản phẩm, dịch vụ hoặc quy trình; thiết kế có sự hỗ trợ của máy tính (CAD), sản xuất có sự trợ giúp của máy tính (CAM) và thiết kế hợp tác.
Điện toán đám mây	Sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông qua số để truy cập kho lưu trữ, các thành phần mạng và ứng dụng phần mềm.
Quản lý kiến thức	Tổng hợp và phổ biến thông tin, kiến thức trong doanh nghiệp một cách có hệ thống; hệ thống quản lý nội dung; e-learning.

(Nguồn: UNCTAD, 2021)

không có sự xung đột hay loại trừ lẫn nhau. Trường hợp Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp (METI) phát hiện bất kỳ nghi ngờ nào về hành vi vi phạm độc quyền trên môi trường số trong quá trình giám sát, METI có thể yêu cầu các biện pháp từ Ủy ban Thương mại Công bằng Nhật Bản (JFTC) dựa trên Đạo luật chống độc quyền của Nhật Bản. Nếu JFTC thấy rằng một nhà điều hành đã vi phạm Đạo luật chống độc quyền của Nhật Bản, thì nhà điều hành đó có thể phải chịu lệnh nộp phạt hành chính bằng tiền.

3. KINH NGHIỆM BẢO HỘ TSTT TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ TẠI NHẬT BẢN

Việc hoàn thiện các quy định về TSTT trong pháp luật Nhật Bản có thể được điều chỉnh từ 3 khía cạnh: (1) Bảo vệ thông tin cá nhân dựa trên các nguyên tắc cơ bản và quy định chung về tính minh bạch; (2) tuân thủ quá trình

xử lý thuật toán tự động được sử dụng trong thương mại hóa TSTT trên nền tảng kỹ thuật số nhằm đảm bảo sự cân bằng cần thiết; và (3) thiết lập các yêu cầu đối với báo cáo nhằm nâng cao tính minh bạch và thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Gần đây, Chính phủ Nhật Bản đã công bố Chương trình kế hoạch xúc tiến sở hữu trí tuệ 2022 vào ngày 03/06/2022. Chương trình đưa ra các chính sách và kế hoạch hành động, nội dung về việc thúc đẩy quá trình thực thi, tạo lập, bảo vệ và khai thác TSTT một cách tập trung và có hệ thống, với các chiến lược cụ thể, bao gồm: (1) củng cố hệ sinh thái sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và trường đại học; (2) tăng cường cơ chế thúc đẩy đầu tư, sử dụng sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; (3) thúc đẩy sử dụng chiến lược theo tiêu chuẩn quốc tế; (4) cải thiện môi trường phân phối và sử

dụng dữ liệu để hiện thực hóa xã hội kỹ thuật số; (5) xây dựng chiến lược cho nội dung số; (6) tăng cường sử dụng TSTT của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khu vực địa phương và trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; (7) tăng cường hệ thống hoạt động và cơ sở hạ tầng nguồn nhân lực để hỗ trợ sử dụng TSTT; (8) xem xét khởi động lại Cool Nhật Bản sau khi đại dịch coronavirus mới (Covid-19) được kiểm soát².

Dựa vào đó, JPO lên chiến lược sở hữu trí tuệ cạnh tranh bằng cách tạo ra các rào cản gia nhập đối với các loại TSTT; đồng thời, thiết lập chiến lược sở hữu trí tuệ sáng tạo mang tính cộng tác, nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác thông qua việc mở rộng phạm vi đối tượng sở hữu trí tuệ. Đơn cử như các TSTT như bằng sáng chế, kiểu dáng thiết kế hay nhãn hiệu, tên thương mại mang lại lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong xây dựng và phát triển các sản phẩm số, phổ biến nhất là kinh doanh thương mại trên các nền tảng số hóa, gọi tắt là kinh doanh điện tử. Kinh doanh điện tử đề cập đến việc sử dụng công nghệ thông tin để tạo thuận lợi cho các quy trình kinh doanh.

Những năm gần đây, các TSTT tại Nhật Bản bắt đầu xu hướng chuyển dần sang nền tảng số hóa (Abbott và cộng sự, 2019). Các doanh nghiệp giao dịch TSTT có thể sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông liên lạc với các tổ chức Chính phủ, nhà cung cấp và khách hàng để mua bán hàng hóa và dịch vụ trực tuyến. Ngoài ra, các TSTT cũng có thể được kiểm tra, quản lý, thống kê tự động hóa dưới hình thức các quy trình kinh doanh, quản lý tài nguyên và thực hiện các chính sách kinh doanh trong tiếp thị, nhân sự và tài chính.

Bản quyền được cấp tự động khi nội dung được tạo trên hệ thống của Văn phòng Bản quyền Nhật Bản, trực thuộc Cục Văn hóa, Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản. Không giống như Hoa Kỳ và các quốc gia khác cho phép sử dụng hợp lý mà không được phép trong một số trường hợp nhất định, tại Nhật Bản, việc chia sẻ thứ cấp tài liệu có bản quyền bị cấm nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu quyền. Một trong những tác phẩm công nghệ nhận được nhiều sự quan tâm tại Nhật Bản là bản gốc của phần mềm. Ở đây, bản gốc phần mềm được hiểu là một bộ hướng dẫn sẽ được sử dụng trong thiết bị máy tính để mang lại một kết quả cụ thể, có thể được bảo vệ và cấp phép dưới dạng TSTT. Sau đó, bằng bảo hộ có thể được cấp li-xăng chuyển nhượng.

Hoạt động cấp li-xăng TSTT trên môi trường số cũng nhận được sự quan tâm từ Chính phủ Nhật Bản. Theo nội dung Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), dịch vụ cấp phép TSTT (li-xăng) trên nền tảng thương mại số, bao gồm: (1) Dịch vụ li-xăng quyền sử dụng nhãn hiệu và nhượng quyền thương mại; (2) Dịch vụ li-xăng quyền sử dụng sản phẩm R&D; (3) Dịch vụ cấp giấy phép sử dụng bản gốc giải trí, văn học nghệ thuật; (4)

Dịch vụ cấp giấy phép sử dụng thăm dò, đánh giá khoáng sản; (5) Dịch vụ li-xăng quyền sử dụng các sản phẩm sở hữu trí tuệ khác như: phương án kiến trúc công trình, kiểu dáng công nghiệp; (6) Dịch vụ cấp phép quyền sử dụng cơ sở dữ liệu. Qua đó, JPO sẽ phối hợp với các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động cấp phép li-xăng nói riêng và bảo hộ sở hữu trí tuệ nói chung. Cụ thể, JPO thiết lập các đường dây báo cáo và thực hiện các hoạt động được phối hợp chặt chẽ với một số doanh nghiệp tiến hành các hoạt động sở hữu trí tuệ một cách độc lập.

Hay trong lĩnh vực sức khỏe kỹ thuật số, Nhật Bản công nhận phần cứng, phần mềm, các chương trình thiết bị chăm sóc sức khỏe y tế, văn bản và hình ảnh y khoa dưới hình thức bảo hộ sáng chế, nếu các sản phẩm đáp ứng về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp; đồng thời không trái với trật tự công cộng và đạo đức.

Ngoài ra, việc áp dụng các công nghệ mới như thiết bị thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), thiết bị đeo cảm ứng sức khỏe và trí tuệ nhân tạo giúp người tiêu dùng tiếp cận gần gũi hơn với thương mại đa trải nghiệm đang khá phát triển thông qua trải nghiệm khách hàng trên nhiều loại công nghệ và nền tảng dưới các phương thức thông dụng như hình ảnh, giọng nói, cảm ứng và văn bản sống động (El Miedany, 2018). Đây là một trong những chính sách nhằm khuyến khích việc áp dụng công nghệ thông tin trong thời đại 4.0, cụ thể là khuyến khích các cá nhân, tổ chức tìm tòi, sáng tạo thêm nhiều phương thức trao đổi mới qua môi trường số, thúc đẩy thương mại toàn cầu.

Trong hoạt động tư pháp, Nhật Bản số hóa các thủ tục tố tụng trong xử lý các vụ kiện vi phạm bằng sáng chế. Hệ thống tòa án Nhật Bản xây dựng theo phương thức phân cấp. Ngoài Tòa án Quận (Osaka hoặc Tokyo), Tòa án cấp cao (Osaka hoặc Tokyo) và Tòa án tối cao thì Tòa án cấp cao về sở hữu trí tuệ (IP High Court) là tòa án chuyên giải quyết các vụ việc liên quan đến sở hữu trí tuệ (Tilt, 2021). Tòa án cấp cao về sở hữu trí tuệ Nhật Bản đã xây dựng nền tảng dữ liệu từ những năm 1969 đến nay, tranh chấp phân thành các loại quyền TSTT như sau: Bằng sáng chế; mô hình tiện ích/giải pháp hữu ích; Nhãn hiệu; Bản quyền; Cạnh tranh không lành mạnh và các quyền khác. Đối với các vụ tranh chấp phức tạp cần kết quả thẩm định từ JPO thông qua cơ chế hội đồng, gồm các thẩm nghiệm viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan để thực hiện xem xét, đánh giá.

Hiện nay, pháp luật về thuế tại Nhật Bản quy định mức thuế suất đối với các hoạt động liên quan đến tài sản mã hóa trên môi trường số, dựa trên thu nhập thực tế của nhà đầu tư. Theo đó, mức thấp nhất là 5% và cao nhất là 45% tính trên lợi nhuận thu được. Ngoài ra, nhà đầu tư còn phải nộp thuế cư trú (inhabitant tax) tương ứng với 10% lợi nhuận thu được cho chính quyền địa phương. Bên cạnh thuế, khía cạnh xuất nhập khẩu thông qua hải quan cũng được Chính phủ Nhật Bản quy định trong Luật hải quan Nhật Bản 2018. Theo đó, cơ quan hải quan có

² Cool Japan là một sáng kiến nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Nhật Bản và các quốc gia khác trong các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa và ngoại giao.



thẩm quyền áp dụng các biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa có dấu hiệu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và kiểm tra, giám sát để ngăn chặn hàng hóa xuất, nhập cảnh.

4. HÀM Ý KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Dựa trên mối hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản, một số đơn vị nghiên cứu của Nhật Bản đã không ngừng hỗ trợ nước ta thông qua những dự án công nghệ. Nhiều dự án đã được triển khai tại các địa phương, đơn cử như trong suốt những năm vừa qua, Chính phủ Nhật Bản và Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam đã phối hợp nhiều dự án công nghệ nhằm phát triển TSTT nói chung và sở hữu công nghiệp tại Việt Nam nói riêng (Nam, 2023). Giai đoạn 12/1999 - 06/2004, dự án Hiện đại hóa quản trị sở hữu công nghiệp (MOIPA)³. Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam phối hợp với Chính phủ Nhật Bản chính thức khởi động dự án MOIPA – Dự án Hiện đại hóa Quản trị Sở hữu công nghiệp được xây dựng nhằm cải tiến công nghệ xử lý đơn sở hữu công nghiệp và hạn chế sai sót trong quá trình xử lý đơn vào năm 2000. Thành công của dự án MOIPA đã đặt nền móng cho hoạt động tích hợp dữ liệu khoa học công nghệ và chuyển đổi số mà Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam xây dựng cho quá trình chuyển đổi số. Từ năm 2005 cho đến nay, Nhật Bản đã liên tục hỗ trợ Việt Nam trong các dự án liên quan đến phát triển TSTT. Giai đoạn 01/2005 - 03/2009, dự án Ứng dụng thông tin sở hữu trí tuệ tại Việt Nam (UTIPINFO)⁴. Giai đoạn 06/2012 - 03/2017, dự án Tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam⁵. Theo đó, Bản ghi nhớ hợp tác giữa Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ và JPO đã được ký vào tháng 10/2014. Từ Bản ghi nhớ hợp tác, một số thành tựu được ghi nhận như trong lĩnh vực chỉ dẫn địa lý với Cục Công nghiệp thực phẩm Nhật Bản (FIAB), Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam đã cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý cho thịt bò Kagoshima Wagyu vào ngày 25/12/2020, hay hồng khô Ichidagaki vào ngày 14/06/2021. Ngược lại, JPO đã cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý cho vai thiều Lục Ngạn vào ngày 12/03/2021. Giai đoạn 05/2021 - 03/2023, dự án Nâng cao năng lực xử lý đơn sở hữu công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ⁶. Bên cạnh hỗ trợ sửa đổi, bổ sung quy chế thẩm định sáng chế và xây dựng các tài liệu về quản lý chất lượng cho hoạt động thẩm định sáng chế, dự án cũng tập trung triển khai đào tạo các thẩm định viên sáng chế, góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực giám sát, thẩm định của nhà quản lý TSTT tại Việt Nam. Ngoài ra, từ tháng 03/2022 đến tháng 03/2023, dự án Củng cố việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam được Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam đề xuất và nhận được sự hỗ trợ của Quỹ quốc tế vì Đa dạng văn hóa của UNESCO⁷. Bên cạnh đó, từ năm 2005 đến năm 2019, Nhật Bản mời các diễn giả giàu kinh nghiệm chia sẻ những thông tin hữu ích tới Việt Nam thông qua 8 buổi Hội thảo. Trong đó, “Bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong thời đại công nghiệp 4.0” diễn

⁵ Mục tiêu nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ nói chung và trên không gian mạng nói riêng.

ra vào tháng 10/2019 tại Hà Nội và TP.HCM đã chia sẻ những kinh nghiệm xử lý các vấn đề mới phát sinh từ trí tuệ nhân tạo, bao gồm các chủ đề sở hữu trí tuệ mới, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số.

Về mặt hỗ trợ hợp tác, Nhật Bản đã triển khai đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực trong lĩnh vực TSTT, cung cấp tài liệu (cẩm nang) liên quan đến quản lý hàng hóa, công nghệ trên thị trường cho các cơ quan chức năng của Việt Nam để sử dụng trong đào tạo và thực hành kiểm soát hàng giả và nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn. Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 phê duyệt “Đề án chống hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử đến năm 2025” nhằm tăng cường quản lý thị trường hàng hóa trong nước. Trước đó, Tổng cục Quản lý thị trường ban hành Quyết định số 888/QĐ-TCQLTT ngày 22/03/2021 về Kế hoạch đấu tranh phòng chống hàng giả, không rõ nguồn gốc xuất xứ và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giai đoạn từ năm 2021 đến 2025. Hiện nay, pháp luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đã thiết lập cơ bản những quy định liên quan đến TSTT trên nền tảng kỹ thuật số đối với hành vi sao chép (khoản 10, Điều 4); quyền tài sản (điểm đ khoản 1 Điều 20); sưu tập dữ liệu (khoản 2 Điều 22); hành vi xâm phạm quyền tác giả (khoản 13 Điều 28); hành vi xâm phạm các quyền liên quan (khoản 6, khoản 8 Điều 35); phương thức đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (khoản 3 Điều 89). Tuy nhiên, trước tình hình tội phạm công nghệ cao, tình trạng hàng giả và nhu cầu thương mại trên không gian số của các loại TSTT trong thời gian tới, Việt Nam vẫn cần xây dựng và hoàn thiện hơn nữa cơ sở bảo hộ TSTT trên môi trường số.

Một là, sửa đổi quy định về định nghĩa tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian tại khoản 1 Điều 23 theo hướng bổ sung nền tảng kỹ thuật số. Cụ thể “tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân...” đổi thành “tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian là sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống hoặc nền tảng kỹ thuật số của một nhóm hoặc các cá nhân...” Ngoài ra, nhiều vụ tranh chấp chưa có hồi kết liên quan đến vấn đề về quyền ghi công của tác giả đối với tác phẩm. Đơn cử như vụ tranh chấp cho hành vi ký tên lên tranh chép của họa sĩ Phạm Hồng Minh đối với 2 tác phẩm tranh vẽ của họa sĩ Lê Thế Anh. Qua đó, quyền ghi công cũng là một khía cạnh mà Việt Nam có thể xem xét bổ sung quy định trong pháp luật sở hữu trí tuệ hiện hành nói chung và luật quyền tác giả nói riêng.

Hai là, ghi nhận quy định về quyền tiếp cận, sử dụng dữ liệu liên quan đến TSTT trên môi trường số trong một số môi trường công cộng như: Thư viện quốc hội (Thư viện số) và hệ thống thư viện công cộng (Thư viện quốc gia Việt Nam, Thư viện khoa học tổng hợp TP.HCM, Thư viện Thành phố Hà Nội,...).

Ba là, xây dựng và hoàn thiện nền tảng giao dịch trực tuyến đáp ứng những nhu cầu về thương mại TSTT. Với thông điệp “Openlive NFT là nơi lưu giữ và bảo tồn di sản văn hóa Việt”, Công nghệ Openlive NFT của Việt Nam là nền tảng giao dịch phi tập trung, trong đó, NFT là một loại tài sản kỹ thuật số, duy nhất và chỉ thuộc về 1 chủ sở hữu, được đảm bảo an toàn và minh bạch qua nền tảng chuỗi khối. Để giao dịch NFT, người sử dụng cần OPV Token, dự kiến thị trường sẽ phát triển có tính khoản cao, thanh toán nhanh và thay đổi cách thức giao dịch trong tương lai. NFT có thể được giao dịch trực tuyến (mua, bán, trao đổi) dưới hình thức tiền điện tử. Tác phẩm The First 5000 Days được bán với giá 69.3 triệu Đô la, Zombie Crypto Punk được bán với giá 6.6 triệu Đô la,... Các giao dịch tài sản kỹ thuật số sẽ được giao dịch thông qua nền tảng Sàn giao dịch sở hữu trí tuệ Openlive NFT Marketplace. Tuy nhiên, bất lợi là giới hạn quyền sở hữu của người có nhu cầu tiếp cận vì chỉ có chủ sở hữu NFT mới có quyền đối với tài sản kỹ thuật số này. Sản phẩm của NFT có thể là đoạn phim, hình ảnh, tác phẩm nghệ thuật, trò chơi, âm nhạc,...

Hiện nay, ngoài chợ công nghệ Việt Nam Techmart, TP.HCM cũng xây dựng riêng chợ thiết bị công nghệ trên cổng Techport.vn với cơ quan chủ quản là Sở Khoa học và công nghệ TP.HCM. Tại Nhật Bản, bản quyền được cấp tự động khi nội dung được tạo trên hệ thống của Văn phòng Bản quyền Nhật Bản. Nước ta nên thiết lập cơ chế cấp bằng bảo hộ trực tuyến, thí điểm là bằng bảo hộ quyền tác giả gắn với tác phẩm, nhãn hiệu và tên thương mại. Cùng với đó, Việt Nam cần thiết lập các quy định chặt chẽ hơn cho hành vi sử dụng đối với nhãn hiệu, tên thương mại liên quan trên nền tảng kỹ thuật số, đơn cử như nội dung về việc gắn nhãn hiệu, tên thương mại bằng phương tiện điện tử hoặc từ tính.

Bốn là, xây dựng quyền cơ sở dữ liệu về TSTT. Dữ liệu lớn và thông tin cá nhân có giá trị kinh tế quan trọng, cần có sự bảo vệ pháp lý phù hợp cho cả bên cung cấp và bên sử dụng thông tin. Tuy nhiên, các nền tảng kỹ thuật số có thể gây tác động bất lợi cho các cá nhân và xã hội nếu chúng không hoạt động tối ưu, phù hợp. Bên cạnh những lợi ích mang lại, thực hiện bảo hộ TSTT trên nền tảng kỹ thuật số lại dễ bị ảnh hưởng bởi tác động người dùng, gây những ảnh hưởng xấu đến thị trường như độc quyền do hiệu ứng mạng, các vấn đề tiềm ẩn bao gồm sự thiếu minh bạch và công bằng của các giao dịch, phân phối nội dung vi phạm, xử lý sai dữ liệu và thông tin cá nhân, cũng là những lo ngại cần thiết..

Để sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và xa hơn là phát triển đô thị thông minh, Việt Nam có thể tham khảo Đạo luật Cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số 2020 Nhật Bản (TFDPA). Một trong những giải pháp được khuyến nghị cơ bản là việc đăng ký chứng chỉ SSL cho tên miền nhằm xác nhận tính an toàn và uy tín của tên miền trên không gian số.

Năm là, xây dựng Tòa án chuyên trách cấp tỉnh và cấp

cao về sở hữu trí tuệ trong tương lai để phục vụ giải quyết những tranh chấp về các loại TSTT có tính phức tạp và đòi hỏi chuyên môn cao. Nâng cao sự chuyên nghiệp trong thủ tục hòa giải, thủ tục khởi kiện và thi hành án với các tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ nói chung và TSTT trên nền tảng số nói riêng. Hơn nữa, xem xét vận dụng cơ chế hội đồng cho các loại hình TSTT nhằm đảm bảo tính công bằng, cải thiện và nâng cao nền tảng nhân sự ngành tư pháp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Sáu là, ban hành những quy định về thuế suất đối với giao dịch TSTT, đặc biệt là giao dịch thương mại có yếu tố nước ngoài. Trong giai đoạn đầu, nước ta chỉ nên thiết lập mức thuế suất trên tinh thần khuyến khích, hỗ trợ hoạt động thương mại TSTT. Khi thị trường đã đi vào ổn định, Chính phủ và cơ quan thuế mới nên đánh thuế TSTT với mục tiêu đảm bảo công bằng giữa các đối tượng chịu thuế và gia tăng nguồn ngân sách quốc gia. Sự liên kết giữa cơ quan sở hữu trí tuệ, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và các cơ quan kiểm tra, giám sát khác cần có sự phối hợp nhịp nhàng, tránh giải quyết công việc trùng lặp, gây mất thời gian cho các cá nhân, doanh nghiệp.

5. KẾT LUẬN

Nhìn chung, bài viết đã tập hợp những quy định pháp luật cơ bản của Nhật Bản về bảo hộ TSTT trên môi trường số và phân tích những kinh nghiệm thực tế của Nhật Bản trong quá trình kinh doanh, thương mại điện tử. Từ đó đúc kết một số kiến nghị cho Việt Nam nhằm xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý sở hữu trí tuệ nói chung và bảo hộ TSTT trên môi trường số nói riêng.

TSTT là một trong những lĩnh vực nhận được sự quan tâm của Chính phủ Nhật Bản. Nhật Bản đã ban hành nhiều Đạo luật liên quan đến bảo hộ TSTT trên nền tảng kỹ thuật số. Việc thiết lập các quy định giúp cá nhân, tổ chức hoạt động trên lãnh thổ Nhật Bản dễ dàng áp dụng pháp luật, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và hỗ trợ cơ quan nhà nước trong thực thi pháp luật. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Nhật Bản về bảo hộ TSTT trên môi trường số để áp dụng trong xây dựng chính sách và hoàn thiện khung pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, nhìn nhận tổng quan bài viết vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Đầu tiên, các quy định trong pháp luật sở hữu trí tuệ của Nhật Bản được tác giả tìm hiểu thông qua những văn bản quy định công bố công khai trên các trang điện tử Chính phủ Nhật Bản. Tác giả chưa có cơ hội liên hệ để kiểm tra những văn bản pháp luật đã được sử dụng trong bài viết là bản cập nhật mới nhất hay chưa, cũng như có văn bản nào bị thay thế hay hủy bỏ gần đây không. Thứ hai, tác giả cho rằng nội dung về kinh nghiệm của Nhật Bản trong bảo hộ TSTT trên môi trường số có thể phân tích sâu sát và mở rộng hơn, nếu có thời gian nghiên cứu và khảo sát thực tiễn tại địa phương. Thứ ba, phạm vi không gian nghiên cứu của bài viết chỉ đang tập trung ở Nhật Bản, tác giả chưa có những tìm hiểu và phân



tích quy định bảo hộ TSTT trên môi trường tại các quốc gia trong khu vực Châu Á, để so sánh và đưa ra đánh giá một cách khách quan nhất. Đây là các hạn chế có thể nhận thấy, các nghiên cứu sau nên khắc phục để nội dung bài viết đạt chất lượng cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Abbott, F. M., Cottier, T. and Gurry, F. (2019). *International intellectual property in an integrated world economy* (Fourth edition). Published: New York Wolters Kluwer, 997p.
- [2] Aujirapongpan, S., Songkajorn, Y., Ritkaew, S. and Deelers, S. (2020). Japan's digital advance policy towards performance in multilateral ASEAN's innovation business. *Entrepreneurship and Sustainability Issues*, 8(1), pp.1081-1094. [https://doi.org/10.9770/jesi.2020.8.1\(72\)](https://doi.org/10.9770/jesi.2020.8.1(72))
- [3] Carolina, N. R., Gustavo, A. A. P., Diego, F. L. B. and Carlos, A. T. R. (2021). Society 5.0: A Japanese Concept for a Superintelligent Society. *Sustainability*, 13(6567). <https://doi.org/10.3390/su13126567>
- [4] Đạo luật Cảnh tranh Nhật Bản, ban hành ngày 14/04/1947.
- [5] Đạo luật Hải quan Nhật Bản số 61, ban hành ngày 02/04/1954, sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- [6] Đạo luật Sáng chế Nhật Bản số 121, ban hành ngày 13/04/1959, đã được sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 3, ban hành ngày 17/05/2019.
- [7] Đạo luật Nhân hiệu Nhật Bản số 127, ban hành ngày 13/04/1959, đã được sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 3, ban hành ngày 12/07/2019.
- [8] Đạo luật Mô hình tiện ích Nhật Bản số 123, ban hành ngày 13/04/1959, sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 3, ban hành ngày 01/04/2019.
- [9] Đạo luật Thiết kế Nhật Bản số 125, ban hành ngày 13/04/1959, sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 3, ban hành ngày 17/05/2019.
- [10] Đạo luật Bản quyền Nhật Bản số 48, ban hành ngày 06/05/1970, đã được sửa đổi 50 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 70, ban hành ngày 06/07/2018.
- [11] Đạo luật Hạt giống và bảo hộ giống cây trồng Nhật Bản số 83, ban hành ngày 29/05/1998, đã được sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Đạo luật số 37, ban hành ngày 01/01/2021.
- [12] Đạo luật Nhật Bản số 137 năm 2001 - (Đạo luật về Giới hạn trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được chỉ định và tiết lộ thông tin người gửi).
- [13] Đạo luật Cải thiện tính minh bạch và công bằng của các nền tảng kỹ thuật số Nhật Bản, ban hành ngày 27/05/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2021.
- [14] El Miedany, Y. (2019). *Virtual Reality and Augmented Reality*. *Rheumatology Teaching*, pp.403-427. https://doi.org/10.1007/978-3-319-98213-7_20
- [15] Futoshi, Y. and Hiroshi, K. (2007). *Impact of the Intellectual Property System on Economic Growth: Fact-Finding Surveys and Analysis in the Asian Region*. WIPO - UNU Joint Research Project (Country Report - Japan). Available at https://www.wipo.int/export/sites/www/about-ip/en/studies/pdf/wipo_unu_07_japan.pdf
- [16] Hiroki, I., Teruyuki, B. and Masatsugu, T. (2020). *Disruptive Technology: Concepts, Methodologies, Tools, and Applications*. Chapter 77: Impact of ICT on innovation: the case of Japanese SMEs, Information Resources Management Association, pp.1624-1651. <https://doi.org/10.4018/978-1-5225-9273-0.ch077>
- [17] Kohei, S. (2021). A Study of Transparency Provisions in Digital Platform Regulations: A Comparison of EU and Japanese Law. *Journal of Information and Communications Policy*, 5(1), pp.145-166.
- [18] Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam số 50/2005/QH11, ban hành ngày 29/11/2005, sửa đổi 3 lần, lần sửa đổi gần nhất là Luật số 07/2022/QH15, ban hành ngày 16/06/2022.
- [19] Nam, N. H. (2023). Dữ liệu số tài sản trí tuệ: Từ xây dựng đến quản trị. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Truy cập tại <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/7554/du-lieu-so-tai-san-tri-tue--tu-xay-dung-den-quan-tri.aspx>
- [20] Patvakan, G. (2021). *Protection of Intellectual Property Rights in Digital Content Trade*. Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC). Available at https://www.apec.org/docs/default-source/Publications/2021/9/Protection-of-Intellectual-Property-Rights-in-Digital-Content-Trade/221_CTI_Protection-of-Intellectual-Property-Rights-in-Digital-Content-Trade.pdf
- [21] Rafik, H. and Hilmil, P. (2022). A Survey of Intellectual Property Rights Protection in Big Data Applications. *Algorithms*, 15(11). <https://doi.org/10.3390/a15110418>
- [22] Toshiko, T. (2009). Success or Failure? Japan's National Strategy on Intellectual Property and Evaluation of Its Impact from the Comparative Law Perspective. *Washington University Global Studies Law Review*, 8(2), pp.382-383.
- [23] Toshiya, W. and Yuji, T. (2017). *New Intellectual Property Supporting Digital Transformation: Vital Knowledge and Strategies for Data Utilization*. Available at https://www.hitachi.com/rev/archive/2017/r2017_06/issues/index.html
- [24] Tilt, D. (2021). Comparative Perspectives on Specialised Intellectual Property Courts: Understanding Japan's Intellectual Property High Court Through the Lens of the US Federal Circuit. *Asian Journal of Comparative Law*, 16(2), pp.238-258. <https://doi.org/10.1017/asjcl.2021.17>
- [25] Tsukasa, A. and Christoph, R. (2022). Regulation of Digital Platforms and the Digital Economy in Japan. *GRUR International*, 71(10), pp.980-995.
- [26] Takamitsu, S., Toshiya, F. and Takashi, H. (2022). *The Intellectual Property and Antitrust Review: Japan*. Available at <https://thelawreviews.co.uk/title/the-intellectual-property-and-antitrust-review/japan#footnote-045>
- [27] United Nations Conference on Trade and Development (2021). *Manual for the Production of Statistics on the Digital Economy*. United Nations. Available at https://unctad.org/system/files/official-document/dtlstict2021d2_en.pdf